

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 189/2016/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 11 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 30/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển;

Căn cứ Nghị định số 161/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về đăng ký, mua, bán, đóng mới tàu biển;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải sau đây:

1. Phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ vận tải biển, dịch vụ hỗ trợ vận tải biển.
2. Phí thẩm định công bố cầu, bến cảng biển, khu nước, vùng nước.

3. Phí sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng.
4. Phí thẩm định hồ sơ mua, bán tàu biển.
5. Phí xác minh giấy tờ, tài liệu liên quan đến tàu biển.
6. Lệ phí đăng ký tàu biển.
7. Lệ phí cấp chứng chỉ xác nhận việc tham gia bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính khác về trách nhiệm dân sự chủ tàu đối với thiệt hại do ô nhiễm dầu và ô nhiễm dầu nhiên liệu.
8. Lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện.
9. Lệ phí cấp bản công bố phù hợp lao động hàng hải phần I (DMLC I).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Người nộp phí, lệ phí là các tổ chức, cá nhân khi được cung cấp dịch vụ quy định thu phí, lệ phí, bao gồm:
 - a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vận tải biển hoặc dịch vụ hỗ trợ vận tải biển được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh hoạt động theo quy định.
 - b) Tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư cầu, bến cảng biển, khu nước, vùng nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố mở, đóng bến cảng, cầu cảng và các khu nước, vùng nước theo quy định.
 - c) Tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ sở đào tạo tổ chức thi sát hạch để cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT trở lên, máy trưởng tàu thuyền có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên.
 - d) Chủ sở hữu tàu biển, phương tiện hoạt động trên biển thực hiện hoạt động mua, bán tàu biển đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam để phá dỡ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định hồ sơ theo quy định.
 - đ) Chủ sở hữu tàu biển, phương tiện hoạt động trên biển được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, xóa, thay đổi đăng ký tàu biển theo quy định.

e) Chủ sở hữu tàu biển được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận việc tham gia bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính khác về trách nhiệm dân sự chủ tàu (các tàu chở dầu dạng xô từ 2.000 tấn trở lên) đối với thiệt hại do ô nhiễm dầu theo Công ước CLC 1992 hoặc được cấp giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu theo Công ước BCC 2001.

g) Tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp bằng, chứng chỉ hoạt động của thuyền viên, tàu biển phục vụ hoạt động của tàu biển theo quy định.

h) Chủ sở hữu tàu biển Việt Nam có tổng dung tích từ 500 GT trở lên hoạt động tuyến quốc tế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Bản công bố phù hợp lao động hàng hải phần I cho tàu biển theo quy định.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm: Cục Hàng hải Việt Nam, Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải, cơ sở đào tạo và cơ quan, đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ quy định thu phí, lệ phí tại khoản 1 Điều này.

3. Thông tư này không áp dụng đối với các tàu cá, tàu chuyên dùng phục vụ mục đích quân sự, an ninh thuộc quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và thuyền viên làm việc trên các tàu thuyền đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tàu thuyền* là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm tàu, thuyền và các phương tiện khác có động cơ hoặc không có động cơ.

2. *Tổng dung tích - Gross Tonnage (GT)*: là dung tích toàn phần lớn nhất của tàu thuyền được ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

3. *HP, CV, KW*: là các đơn vị đo công suất của tàu thuyền theo quy định.

Điều 4. Quy đổi GT của các tàu thuyền không được cơ quan đăng kiểm cấp giấy chứng nhận tổng dung tích để xác định số tiền phí, lệ phí

1. Tàu thuyền không ghi GT, được quy đổi tính tổng dung tích như sau: